

XXII. PHẨM HỘI CHÚNG (*PARISĀVAGGA*)²⁷⁵

I. KINH HỘI CHÚNG (*Parisāsutta*) (A. II. 225)

211. Nay các Tỷ-kheo, có bốn ô uế hội chúng này. Thế nào là bốn?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; nay các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo-ni có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; nay các Tỷ-kheo, có nam cư sĩ có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; nay các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn ô uế hội chúng này.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh hội chúng này. Thế nào là bốn?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; nay các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo-ni có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; nay các Tỷ-kheo, có nam cư sĩ có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; nay các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh hội chúng này.

II. KINH KIẾN (*Dīṭṭhisutta*) (A. II. 226)

212. Thành tựu với bốn pháp, nay các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Với thân làm ác, với nói lời ác, với ý nghĩ ác, với tà kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, nay các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, nay các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm thiện, với nói lời thiện, với ý nghĩ thiện, với chánh tri kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, nay các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

III. KINH KHÔNG BIẾT ƠN (*Akataññutāsutta*) (A. II. 226)

213. Thành tựu với bốn pháp, nay các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi

²⁷⁵ Bản tiếng Anh của PTS: *Corrupting*, nghĩa là Ô uế.

vào địa ngục. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm ác, với nói lời ác, với ý nghĩ ác, với không biết ơn và không biết trả ơn.²⁷⁶

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm thiện, với nói lời thiện, với ý nghĩ thiện, biết ơn và biết trả ơn.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

IV. KINH SÁT SANH (*Pāṇātipāṭisutta*) (A. II. 226)

214. (Như kinh 213, chỉ khác là bốn pháp khác: “Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo; từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo”).

V. KINH CON ĐƯỜNG THỨ NHẤT (*Paṭhamamaggasutta*) (A. II. 226)

215. (Như kinh 213, các pháp được đề cập đến là “tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp” và “chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp”).

VI. KINH CON ĐƯỜNG THỨ HAI (*Dutiyamaggasutta*) (A. II. 226)

216. (Như kinh trên, các pháp được đề cập đến là “tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định” và “chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định”).

VII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (*Paṭhamavohārapathasutta*) (A. II. 227)

217. (Các pháp được đề cập là “không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói có cảm giác, không thức tri nói có thức tri” và “không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không có cảm giác, không thức tri nói không có thức tri”).

VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (*Dutiyavohārapathasutta*) (A. II. 227)

218. (Các pháp được đề cập là “thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, có cảm giác nói không có cảm giác, có thức tri nói không thức tri” và “có thấy nói có thấy, có nghe nói có nghe, có cảm giác nói có cảm giác, có thức tri nói có thức tri”).

IX. KINH KHÔNG XẤU HỔ (*Ahīrikasutta*) (A. II. 227)

219. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Thành tựu với không có lòng tin, với có ác giới, với không xấu hổ, với không sợ hãi tội lỗi.

²⁷⁶ AA. III. 210: *Akataññutā akataveditā* = *Akataññutāya akataveditāya* (không biết ơn, không biết nghĩ đến ơn).

Thành tựu với bốn phá
vào địa ngục.

Thành tựu với bốn phá
lên cõi trời. Thế nào là bốn

Thành tựu với lòng tin,
với bốn pháp này, này các]

X. KINH ÁC GIỚI (*Duss*

220. (Như kinh trên, cá
ác giới, biếng nhác, liệt tuệ

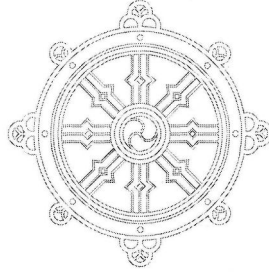
lỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi

heo, như vậy tương xứng được sanh

xấu hổ, với sợ hãi tội lỗi. Thành tựu
y tương xứng được sanh lên cõi trời.

I. 227)

cập như sau: “Không có lòng tin, có
giới, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ”).



²⁷⁷ Bản tiếng Anh của PTS: *Of Weak Wisdom*, nghĩa là *Về liệt tuệ*.